TỤC XƯA NÊN BIẾT
Nhớ & quên

Thời xưa, con người tồn tại trong một làng không thể
không kể đến các tục lệ ràng buộc và thường xuyên gắn với đời người.
Có tục lệ nay còn vận dụng được vào đời sống đương đại,
nhưng có tục lệ không còn đóng vai trò hỗ trợ con người
trong cuộc sống đã dần quên lãng.
Bài viết này ghi lại một số tục lệ còn thực hiện trong đơn vị làng,
lấy làng Đông Phước, thành phố Đà Nẵng làm cứ liệu khảo sát.
Trong hầu hết tục lễ cổ có nhớ & quên, mong được trao đổi tham khảo.

1. Đám về/vào nhà mới (khánh thành nhà mới)

Xưa, từ năm 1975 về trước trong dân gian làng Đông Phước còn giữ tục lệ đi dự đám về nhà mới – tên chữ gọi *khánh thành* – trong lễ này quan hệ thân, sơ có cách thể hiện riêng. Lễ về nhà mới là thành tố quen thuộc trong việc làm nhà của người xứ Quảng. Thanh niên Quảng có ba việc phải thực hiện trong đời mình, đây cũng chính là việc *đời người nên biết*, thể hiện tình cảm làng xóm láng giềng, tình bạn bè thân thiết và đối với gia đình anh em ruột thể hiện sự nương tựa nhau, giúp đỡ nhau trong việc làm nhà. Người xưa quan niệm rằng: *sống cái nhà chết cái mồ* cũng là cách nghĩ giống như *sống dầu đèn chết kèn trống*. Chuyện như thế ngày trước đời người luôn hướng đến. Thế nên, dầu có đói nghèo đến mấy một tráng đinh làng Đông Phước và không chỉ làng Đông Phước mà các làng trong xứ Quảng xưa kia đeo đuổi ba việc hệ trọng: *Làm nhà, tậu ruộng, mua trâu*. Ba việc như thế ngày xưa trong chế độ quân chủ rõ ràng không hề dễ chút nào, bởi *đất vua chùa bụt* nên người dân tá điền làm thế nào để có mấy thước đất làm nhà.

Gánh rạ lợp nhà (Ảnh Tl. minh họa)

Trong hồi ký *Giành chính quyền ở xóm Van Du* [1], tác giả viết rằng sống lênh đênh trên sông, xóm Vạn muốn có một cái trại trú nắng ngụ mưa cũng không thể nào có được, vì thế mà họ thường nói *không có đất cắm dùi* trong hoàn cảnh cũng không biết con chữ là thế nào.

Tậu ruộng, mua trâu (Ảnh: Tl. mimh họa)

[1] Hồi ký ông Trần Cảnh Thùy trong sách *Nhớ mãi mùa Thu cách mạng,* Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng.

Và không chỉ là các xóm Vạn chài mà dân vùng nông nghiệp đa phần họ mù chữ. Mù chữ chiếm một tỉ lệ lớn trong đại bộ phận dân số. [2]

Đám làm nhà mới có sự khác nhau trong quan hệ thể hiện qua ứng xử:

Là ***anh em ruột*** có thể chúc mừng bằng một câu đối, nội dung ca ngợi tình ruột thịt, đạo đức, tài năng và công trạng của anh em.

-Phước lộc lưỡng hưng tông tổ huân danh vinh thế đạo,
Hiếu trung nhị tự cao đường Võ tộc hiển thiên ân.

Hoặc một bức hoành phi viết chữ đại tự:

-Đức Lưu Quang
德　留　光...
-Chấn Gia Thanh
振　家　聲
-Phước Lộc Thọ
福　祿　壽
-Hoà Vi Quý
o　為　貴

-Thiện Tối Lạc
善　最　樂
-Lan Quế Đằng Phương
o　o　o　o
-Phước Lộc Tồn Diên
福　祿　存　延

- Là ***anh em chú – bác***, lễ về nhà mới bằng câu đối thể hiện tình cảm ruột thịt, hoặc vai trò, công tích của người đó:

Cửu phẩm văn giai phò bổn xã
Thiên thu trịnh trọng tạc cù lao.
九　品　文　偕　駙　本　社
千　秋　鄭　重　胙　劬　勞

hoặc câu đối cảnh, ca người nét đẹp quê hương xứ sở mà hướng nhà nhìn đến có sơn thủy hữu tình,…

[2] Thời thực dân Pháp ước đến 85% dân số Việt Nam mù chữ.

Tiền đường vạn tuế niên niên thọ,
Hiên ngoại song mai nhựt nhựt xuân.

前 堂 萬 歲 年 年 壽

軒 外 雙 梅 日 日 春

Là ***anh em trong tộc*** mừng bằng câu đối:

-Kiều mộc phát thiên chi giai do nhứt

嬌 木 發 千 枝 皆 由 一

bổn,

本

Trường xuyên sanh vạn phái tổng thị

長 川 生 萬 派 總 是

đồng nguyên

同 元

-Khí thiên un đúc nền trung hiếu,
Đức cả vun trồng cội quế lan.

Hoặc ***chủ nhà tự thực hiện*** các câu đối phù hợp với gia giáo, gia thanh, gia thế, gia phong,… nhà mình treo lên bốn cây cột cái. Có thể chọn các câu:

- Tiên tổ phương danh lưu quốc sử,
Tử tôn tích học kế gia phong.

-Phước ấm lưu truyền vinh thế thất,
Tân cơ tăng mỹ hiển tiền nhân.

福 蔭 留 傳 榮 世 室
新 基 增 美 顯 前 人

-Đông thiên vận hội tương hưng, hòe quế tăng đa tài tự tích,
Phước địa ân khoa phổ cập, ba đường ấm mậu đắc vu kim.

Hoặc ***bạn bè thân hữu*** tặng câu đối:

-Phú thọ khương ninh[3] *tổng thị nhân từ thành sự nghiệp,*

[3] Mượn ngữ liệu trong kinh sách: *Phú quý thọ khang ninh* 富貴壽康寧.

Quý tài lợi lộc giai do trung hiếu vĩnh cơ đồ.

-Đông sơn kinh hảo xuân thời sắc,
Phước chỉ miên trường lộc vị danh.

-Bổn lập đạo sanh cương thường trọng,
Thủy nguyên mộc thạnh Thái sơn cao.

-Đông phương nhựt xuất đông phong
東 方 日 出 東 豐
thạnh,
盛

Phước trạch thiên gia phước lộc hưng.
福 澤 天 加 福 祿

Về vật chất đời sống kinh tế, ngày xưa của cải không nhiều, người thân ông, bà, cô, bác, anh chị mừng tân gia một bao gạo (nhiều ít không thiết), cốt mong cho người thân quanh năm không thiếu gạo ăn, có ngụ ý rằng mong người thân lúa gạo được giáp hạt quanh năm.

Cách nay hai mươi lăm năm, nhà ông VVH. Tại làng Đông Phước về nhà mới – cử lễ nhập trạch – bà cô ông đến mừng gia đình ông mang theo một ang gạo.

Nay, mừng tân gia bằng hoành phi, câu đối, thảng vẫn còn đối với các gia đình khả giã. Bình dân hơn, người ta mừng tân gia bằng chục chén, dĩa, đồ dùng khác, tiền bạc.

2. Làm rể

Thời xưa sau khi hỏi vợ, lệ phải đủ ba năm mới cưới. Sao phải ba năm? Có thể giải thích rằng: xưa kia con gái tuổi được xem là lấy chồng được là thập tam (13), con trai xem là cưới vợ được là thập lục (16), theo đó trong dân gian thường nói *gái thập tam nam thập lục* xem đã lớn rồi. Tuy nhiên, hỏi vợ và cưới sớm ngại rằng người vợ trẻ chưa thật sự trưởng thành về tinh thần và thể chất, do đó phía nhà trai chưa cho cưới vội, đợi sau ba năm nhà gái mới nhận lễ cưới. Điều này chàng rể phải kinh qua thời gian làm rể ba năm. Ba năm được cho rằng thể hiện tấm lòng của rể với cha mẹ vợ đã có công cù lao dưỡng dục vợ mình nên người. Làm rể ba năm chưa cưới, chàng rể không gọi cha mẹ cô

vợ tương lai là cha mẹ. Nếu cha mẹ vợ lớn tuổi hơn cha mẹ chàng rể thì chàng rể xưng là bác, nếu ít tuổi hơn gọi là chú, thím. Làm rể phải giữ lề thói nghiêm túc, đến nhà cô vợ nói năng đi đứng phải "tử tế", tiếp xúc với vợ chưa cưới có chừng mực, bởi mẹ cô gái trông để mắt coi con gái mình chu đáo. Vào giai đoạn này, cả hai giao tiếp trong gia đình hay ra làng xóm trước hết cha mẹ chàng trai phải bày vẻ cẩn thận nhiều vấn đề có liên quan đến việc làm người. Phải *học ăn học nói học gói học mở* vào những lúc thế này. Nếu không, nhỡ con trai thiếu sót điều gì làm phật ý cha mẹ vợ, sẽ dễ bị mất vợ cho dù làm rể đến năm thứ ba, vẫn bị phía nhà gái hồi lễ.

Đến nhà vợ phải tham gia công việc nhà vợ. Xưa thường là cày cấy, tát nước, cuốc đất, trồng khoai, nhổ sắn, tưới nước thuốc, bẻ, xâu, phơi phóng sản phẩm nông nghiệp,… là công việc nhà nông, chàng rể phải siêng năng, tỏ rõ thái độ hiền từ, chăm chỉ được nhà vợ khen là rể quý giỏi giang lại càng bền chặt.

Làm rể trong làng, ngày đến nhà vợ giúp việc nhà nông (khi nhà vợ cần), trưa ăn cơm nhà vợ hoặc về nhà mình ăn, tối về nhà mình ngủ. Làm rể xa làng, trưa – tối ăn cơm nhà vợ, ở lại nhà vợ vài ba ngày, nhà vợ thư thả công việc, lại về nhà mình. Nhà vợ có việc cần giúp sức, chàng rể phải đến ngay không từ chối (ngoài đau ốm), việc nhà mình giao cho các em hoặc đã có cha mẹ lo liệu. Đến ở nhà vợ, đêm ngủ cùng với, hoặc gần anh em trai của vợ, đang đêm, không xuống nhà ngang hay nhà chái nơi có mẹ vợ hoặc cô vợ ngủ. Tuy nhiên về sau này (thời cận kim), tục lệ, quan niệm hôn nhân từng bước có sự thay đổi nên (đâu đó) xuất hiện hiện tượng: *Chuột kêu chút chít trong rương/ Anh đi cho khéo đụng giường mẹ la*.

Nam nữ *thọ thọ bất thân,* do vậy chàng rể không chuyện trò lâu với cô vợ tương lai và cũng không được ngồi cận kề. Chuyện trò phải có người thứ ba góp chuyện. Chàng rể không được đụng vào người cô vợ (nắm vạt áo cũng cấm), bởi *nam nữ thọ thọ bất thân.* Trong nhà đi lên xuống nhà trên nhà dưới phải đi vào cửa chính, không đi cửa hông, cũng không đi ngang phòng cô vợ trẻ. Vi phạm vài lần, chàng rể không bỏ, cha mẹ vợ mời chàng rể ra khỏi nhà, xem như mất vợ.

Anh tới nhà em thì tới cửa trước
Anh đừng có bước cửa sau
Nhà em nhiều chuối nhiều cau
Đụng luồng gió mạnh rớt tàu nhằm lưng.

Ăn uống cũng phải từ tốn, không ngồi đối diện cha mẹ vợ, không trườn gắp, ăn nhai không chắp, uống nước không gây nên tiếng ực trong cổ,… Món ngon không nên gắp trước. Nói chung ăn *coi nồi, ngồi coi hướng*. Ăn vừa đủ, không ăn hết, không ăn để thừa một ít hạt cơm trong chén. *Ăn thì ăn cho hết, để thì để cho còn,* tục ngữ răn dạy thế, nên việc ăn uống phải chừng mực.

Các cụ cao niên kể rằng làm rể ba năm mà không nắm được tay cô vợ. Mọi chuyện phải chờ đến ngày bên nhà gái nhận lễ thỉnh kỳ, chuẩn bị cho lễ nghinh hôn, may ra lúc ấy mới có thể xem cô gái là vợ của mình. Thời gian làm rể ba năm, chàng trai cô gái thích nhất là giã gạo, tát nước gàu giai, cho nên chàng rể bộc bạch: *Thích nhứt giã gạo chày hai/ Thứ nhì tát nước gàu giai mới gần nàng*.

Làm rể ngày xưa là vậy, tuy thế vẫn có trường hợp *tráo dâu* hoặc *tráo rể* ngay trong tối rước dâu. Chàng trai đi làm rể thay cho người khác (anh hoặc em), cô gái làm dâu thay cho người khác (chị hoặc em), thảng vẫn xảy ra, dân gian gọi *tráo hôn*. Bởi do tiếp xúc rất hạn chế nên cô vợ không nhớ mặt chàng trai, chàng rể không tường mặt cô gái, chỉ cha mẹ cô gái tỏ tường nhưng thời xưa các cụ thường rước dâu vào ban đêm, trời tối dễ gặp phải tráo hôn. Và còn bởi trong ngày cưới pháo hoa nhộn nhịp, áo mão trang sức làm cho chàng trai, cô gái đẹp lộng lẫy, lại gặp phải đôi nam nữ cứ nhìn xuống mà không dám nhìn vào cha mẹ vợ và các vị cao niên hai bên dòng họ. Bởi nhìn ngay thẳng được cho là vô duyên, vô lễ, nên họ rón rén, cứ thắc tha thắc thỏm không được tự nhiên.

Tráo hôn ít có trường hợp xảy ra, nhưng không phải là không có.

3. Phong long tử

Trong dân gian vùng Hòa Vang, Đà Nẵng quan niệm rằng phong long tử là vong linh nào đó do sút sảo (thai nhi chết do sẩy thai) mà chết, hoặc sinh con được vài ngày, hài nhi chết. Những vong [4] linh chết như thế được cho rằng thường xuyên theo bám người mẹ. Người mẹ đi đến đâu, họ theo đến đó và có thời cơ thuận lợi các vong đó nhập vào người khác hoặc nhập vào nhà quấy phá. Hiện tượng nhận ra được cho là bị phong long tử quấy phá thể hiện ở chỗ: con cái trong nhà còn nhỏ đau ốm, ấm lạnh thất thường, hoặc gia chủ bị ốm, làm ăn sa sút, buôn bán lỗ lã,…Trường hợp như thế gia chủ đến "điện" cô cậu nào đó trong hoặc ngoài làng xem bói một quẻ gia sự. Tại đây (nếu như) quẻ

[4] Vùng Hòa Vang Đà Nẵng phát âm là *dong*.

ứng rằng có phong long tử trong nhà, gia chủ phải có lễ tống phong long ra khỏi nhà? Mời thầy cúng đến nhà tẩy uế.[5]

Có người tin rằng để phát hiện trong nhà có phong long tử bu ám, họ trồng cây sống đời (lâu năm) thường xuyên đặt trên bàn giữa nhà, nếu có phong long tử, cây sẽ có lá úa và héo dần, mặc dầu trong bình còn đầy nước. Hoặc có người treo ngược một nhánh xương rồng dưới hiên nhà để xua đuổi phong long tử không thâm nhập vào nhà. Chuyện như thế ngày nay thảng, vẫn còn gặp.

Người có phong long tử không được mời đi họ trong việc cưới và nhiều việc quan trọng khác. Người có phong long tử không nên đến nhà người khác. Sau ba tháng mười ngày mới được xem là hết phong long tử.

Ngày nay quan niệm phong long tử không còn phổ biến, song không phải hết niềm tin trong cộng đồng, nhiều hơn cả quan niệm còn tồn tại ở các thôn làng nông nghiệp xa khu đô thị. Thảng, gặp các vật lễ tống phong long tử được ai đó mang đặt tại ngã ba đường trong khu phố sầm uất.[6]

4. Hóc xương cá

Trong lúc cả nhà quây quần bên chiếc nia ăn cơm, một thành viên trong mâm cơm nhỡ để xương cá mắc vào cổ, liền đó, người này (hoặc trẻ em) được thông báo *mắc cổ* cho mọi người biết. Liền đó, người mẹ, hoặc người bà bước đến bếp lửa, không nói năng gì, bà trở đầu vài ba que củi đang cháy, đưa phần đang cháy ra ngoài, chụm đầu đày củi vào bếp (chụm ngược), cho đó là cách *làm dấu* mong rằng xương cá bị hóc trôi khỏi cổ.

Hoặc gặp phải mắc cổ xương cá, người ta nhờ một ai đó lúc sinh từ bụng mẹ ra phải đẻ ngược (phần chân ra trước), vị này dùng tay vuốt vài lần vào cổ, tin rằng xương sẽ trôi xuống dạ dày. Đây cũng là quan niệm *ra dấu*, hoặc *làm dấu, làm phép* theo cách nghĩ của các đạo sỹ thời xưa.

Cá đồng thường có bộ xương cứng và sắc nhọn, nhiều xương có các loại cá tràu/ lóc, cá rô. Trẻ em ăn cá dễ mắc phải xương nơi họng.

Trong thời gian tác giả ghi chép lại hiện tượng này đã gặp trường hợp *ra dấu* như thế khi một thành viên trong gia đình mắc cổ xương cá.

Điều này được cho là dị đoan, là mê tín, thế nhưng thời nay thảng, vẫn gặp những trường hợp *ra dấu làm phép* như thế!

---

[5] Người ta tin thế, cho dù đây là mê tín, dị đoan.

[6] Tháng 2/ 2022 tác giả gặp tại ngã ba Đoàn Nguyễn Thục – Lê Đại Hành; tháng 3/ 2022 cũng gặp tại ngã ba này lần nữa. Lễ gồm bát cháo, một ít bánh in gói giấy màu, kẹo bi, muỗng, giấy binh, giấy đất, có chổi quét nhà, đèn sáp, hương đặt cạnh bên đường tại ngã ba.

5. Bán con cho ông Mốc

Ông Mốc là ai mà sao lại bán con cho ông Mốc ?

Ông Mốc là quan niệm thờ cây của người Hòa Vang, Đà Nẵng. Không chỉ người vùng Hòa Vang Đà Nẵng mà người Việt có quan niệm thờ cây cối. Tại cây nhất là cây đa, cây si, cây cổ thụ, hoặc cây sanh dân gian cho rằng có thần/ma cây trú ngụ. Thần Mốc có thiện có ác. Trong làng ai có con được dân gian cho rằng khó nuôi, mang đến "bán" cho ông, ông nuôi đủ mười hai năm (một giáp), cha mẹ mang lễ vật đến chuộc lại.

Trong dân gian Đà Nẵng, Hòa Vang có quan niệm bán con cho ông Mốc do con trẻ khó nuôi, đau ốm thường xuyên, èo ọt, khóc dạ đề, khóc ẹ ẹ thường xuyên, hoặc chán ăn, ăn ít, ngủ thường giật mình,…được cha mẹ, người thân cho rằng *khó nuôi* phải bán cho ông Mốc.

Tại làng Đông Phước, cách nay ba mươi hai năm, tác giả có biết hai trường hợp bán con cho ông Mốc. Ông Mốc của làng ngự trú tại một cây cổ thụ được cho là mốc giới giữa làng Đông Phước và Bình Thái. Theo đó gọi ông Mốc. Có một gia đình trẻ tại làng sinh được đứa con gái nhưng con biếng ăn, khó ngủ, được cho rằng khó nuôi, chậm lớn và hay đau ốm, cha mẹ và ông bà nội đem bán cho ông Mốc mười hai năm. Lễ phẩm bán gồm *con gà cỗ xôi* với trầu rượu, hương hoa trà quả là đủ. Vào thời điểm bán thường là buổi chiều lúc chạng vạng tối. Chủ bán là cha mẹ đưa đứa con đến ông Mốc để bán. Người đưa đi bán là ông nội đứa trẻ. Sau thời gian đủ mười hai năm (một giáp), lại có lễ phẩm mang đến ông Mốc vào lúc chạng vạng tối chuộc con về.

Trong Mười hai năm đó xem như gửi con cho ông Mốc nuôi nấng, giúp đỡ để con ăn no ngủ kỹ, chóng lớn, ngoan hiền!

Và sau đó vài năm, lại có gia đình trẻ tại làng, sinh được đứa con trai nhưng lười ăn, ít ngủ, thường khóc dạ đề, đau ốm,…Cha mẹ bèn nhờ ông nội mang con đến ông Mốc bán cho ông mười hai năm. Và sau mười hai năm có lễ đến ông Mốc chuộc con về. Từ hôm bán con cho ông Mốc, trong nhà từ người ông bà nội đến cha mẹ, anh chị đều gọi đứa con mang đi bán đó là *con xin*, hoặc *con cầu* mà không gọi là *con mình*.

Thời nay hiện tượng bán con cho ông Mốc không còn trong bản giá trị văn hóa của các làng trước kia thuần về nông nghiệp. Ông Mốc cũng không còn được đề cao như thời nông vi bản. Tuy nhiên, hiện tại những điểm có cây cổ thụ như cây đa (tại đường Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng), hoặc cây đa (tại cuối đường Núi Thành, Đà Nẵng), người dân vẫn tin có thần, ma, âm hồn cô bác ngự trú nên dần dần tại gốc cây người có niềm tin mang tượng Phật, lu hương,

đèn đến cúng bái trong các ngày sóc vọng. Đấy là tín ngưỡng thờ cây cối của một bộ phận người dân.

6. Mời đám cưới

Xưa kia mời đám cưới thường người tổ chức đám cưới cho con, hoặc gả con gái lấy chồng họ đến tận nhà mời bằng miệng. Bởi ngày đó người trong làng biết chữ Hán Nôm rất ít, phần nhiều là không biết chữ.

Đến những năm 1950 thế kỷ XX, quan hệ tình yêu nam nữ, hoặc người thân làm ăn xa, muốn có thông tin gì cho nhau viết một bức thư gửi đi là chuyện khó khăn. Khó vì không biết chữ, khó vì không có giấy bút/viết, làm sao viết được một bức thư, khó vì làm sao gửi. Mặc dầu rất muốn gửi thư! Do đó, thời ấy, người trong làng muốn gửi một bức thơ cho người thân ở xa, người trong làng phải nhờ một ông giáo, hoặc người biết chữ viết giúp một lá thơ. Đến nhà ông giáo làng, người muốn có thơ phải nói cho người viết tâm trạng của mình, gia đình mình cho ông giáo nghe, đặng ông chấp bút viết giúp. Các cô gái gởi thơ cho người yêu, việc tế nhị thố lộ tâm trạng của mình giao hết cho ông giáo tùy nghi chấp bút!. Viết giúp, ông giáo không lấy tiền công! Một hai ngày, sang nhà ông giáo nghe ông đọc thơ, bằng lòng thì nhận thơ về gởi, bằng không ông viết lại. Nhận thơ về xếp lại làm tư bỏ vào áo gối cất giữ, nhưng bằng cách nào để gởi? Người ở xa quê thì chắc không gởi được! Do vậy mà tình cảm dồn nén, người gởi phải thốt lên:

Buồn tình cha chả buồn tình,
Không ai đi Huế cho mình gởi thơ.
Gởi thơ thì phải gởi lời,
Kẻo mà thơ rớt thơ rơi dọc đường.

còn gởi người trong làng thì dễ, nhưng cũng lắm rủi ro:

Giã đò mua kén bán tơ
Đi ngang qua ngõ rơi thơ cho chàng!

Đến khi hệ thống bưu thư được người Pháp tổ chức (nhưng hạn chế), dân thường cũng không dễ gởi thư đi.

Do vậy mà chuyện mời đám cưới cho con chỉ mỗi một cách là đến tận nơi để trao gửi lời mời.

Về sau và đến thời nay các phương tiện giấy mực, in ấn đủ để thiết kế một giấy mời vừa đẹp, vừa tiện thông báo các thông tin trên giấy đầy đủ mà không lo thiếu sót. Ngày nay trong phong bì mời đám cưới có hai tờ: *một tờ báo hỉ* và *một tờ mời dự tiệc trà* liên hoan. Ai nhận được tờ báo hỉ chỉ để biết

nhà nọ cưới vợ cho con, hoặc gả con lấy chồng vậy thôi là đủ mà không phải dự liên hoan chúc mừng.

Các cụ lão nhiêu tại các làng vùng Hòa Vang, Đà Nẵng kể rằng: cách đây chừng trên trăm năm, đám cưới không mời khách trong làng dự đám. Đối tượng được mời là người trong dòng tộc bên nội, bên ngoại để thông báo con trai con gái thành gia thất trong ngày *nhóm họ* và mời người trong thân tộc *đi họ* rước hoặc đưa dâu mà thôi. Như thế không phải là keo kiệt, mà cha mẹ cô dâu chú rể vẫn có nhã ý hễ ai muốn đến chúc mừng đám cưới là sẵn lòng chấp nhận ngay, bởi họ đến để chúc mừng đôi nam nữ thành gia thất, nhấm ly rượu mừng, nên việc đó tùy hỉ. Thành ra, tiệc cưới luân phiên nhau suốt cả ngày, người ra vào vui vẻ.[7]

Ngày nay, thiệp cưới in ấn trang nhã, màu sắc đẹp, đích thân chú rể, cô dâu hoặc cha mẹ cô dâu chú rể đến nhà gửi thiệp mời và mong chấp nhận lời mời dự mừng thành gia thất cho hai con. Người nhận thiệp không từ chối, bởi nghĩ rằng là chuyện trăm năm một đời người không đến chúc mừng là không hợp lễ. Nên dù bận bịu công chuyện thế nào họ cũng sắp xếp đến nhà cưới chúc mừng.

7. Lễ lại mặt sau tân hôn

Lệ trong dân gian có việc lại mặt sau ba ngày cưới, sau ba ngày, đôi vợ chồng trẻ đưa nhau về thăm gia đình bên vợ. Cô vợ được cho là lại mặt về thăm lại cha mẹ mình, để rồi sau lần lại mặt, làm ăn quần quật quanh năm, ít có dịp về thăm cha mẹ.

Lệ lại mặt không nhất thiết một-hai phải thực hiện, bởi có đôi vợ chồng trẻ ở xa nhà cha mẹ cả ngày đường đi bộ nên *lại mặt* không chấp nê phải tuân thủ.

Việc lại mặt cha mẹ vợ không chỉ để thăm viếng mà còn thể hiện điều quan trọng của hôn nhân sau ba ngày chung sống.

Gần đây lệ lại mặt không có lễ phẩm vẫn không sao. Sau ba ngày chung sống, đôi vợ chồng trẻ về nhà cha mẹ vợ mang theo chai rượu vẫn được.

Thế nhưng ngày xưa, trước khi đôi vợ chồng trẻ sang nhà vợ, anh chồng chuẩn bị hai trái cau dầy đặc ruột, gọt vỏ, một trái bửa thành hai phần, một trái bửa thành bốn phần, cho vào lá chuối gói lại mang sang gia đình vợ. Lần lại mặt này thật quan trọng, cha mẹ cô gái cũng lo âu chút ít, bởi biết đâu con gái

[7] Nhưng có trường hợp cha mẹ cô dâu chú rể chuẩn bị ẩm thực đãi khách nhưng người làng đến dự mừng không nhiều, ẩm thực sử dụng không hết, đến chiều cha mẹ, anh em mang ẩm thực ngày cưới biếu hàng xóm, trong đó có cau, trầu, rượu, bánh trái các loại.

mình trục trặc gì không, hay là mất trinh tiết hồi nào không biết thì ăn nói thế nào với phía nhà trai.

Sau đêm động phòng hoa chúc, nếu người vợ được xác định chưa thất trinh, người chồng mừng vui và quý trọng vợ mình thêm nữa, bèn ngược lại sau đêm tân hôn người chồng phát hiện người vợ thất trinh thì tỏ rõ không hài lòng, mất niềm vui và cả niềm tin cũng không còn đầy đặn, mặn mà nữa. Bên gia đình nhà chồng sẽ khinh thường bên nhà gái không biết dạy con để con gái hư đốn đến phải thất trinh. Thế nên ngày xưa, trong buổi lại mặt tại nhà gái mà người con rể mời cha mẹ vợ đến bàn độc thưa chuyện. Cha mẹ cô gái lo âu biết đâu có chuyện chẳng lành! Chàng rể dùng hai chiếc dĩa sắp hai dĩa cau trình ra trước cha mẹ vợ, nếu là cau bửa đôi và cau bửa tư là cau dầy thì đấy là biểu tượng chàng rể gửi đến cha mẹ vợ lời cảm ơn trân trọng và sự kính nể phía bên vợ có nền nếp gia phong, giữ được lề thói tam tòng tứ đức ở đời, giáo dục con gái đoan chính.

Bèn ngược lại, chú rể trình ra trước cha mẹ vợ hai dĩa cau non trái nhỏ, ruột rỗng (ruột non, hạt chưa dầy), thì than ôi, biểu tượng miếng cau nói lên tất cả nỗi niềm thất vọng của phía nhà trai và của chàng rể. Cha mẹ cô gái nhìn vào hai dĩa cau biết rằng buổi lại mặt này nhà trai và con rể báo cho biết con gái nhà đã thất trinh tự khi nào. Đây quả là điều khó ăn nói đối với gia đình bên gái!

Thất trinh có nhiều nguyên nhân, người con gái trong lúc lao động làm ăn, không may trượt chân té ngã cũng có thể dẫn đến màng trinh bị rách, chứ không nhất thiết là hư đốn theo trai mới bị thất trinh. Tuy nhiên, dù sao phía cha mẹ cô gái cũng mắc phải chuyện khó thuyết minh với cha mẹ chàng trai, và không chỉ thế với tộc họ bên chú rể nữa. Ngày xưa, gặp phải gia đình giàu điền thổ, có thế lực trong làng và có chút ít chữ nghĩa thánh hiền, do lo ngại làng trên xóm dưới chê cười rằng *cưới con dâu sâu con mắt* lại gặp nhằm con dâu đã biết hơi trai tự hồi nào rồi nên thất trinh. Họ có thể hủy hôn nhân, đòi lại phẩm vật sính lễ và đuổi cô dâu về lại nhà cha mẹ mình. Quả thật khổ!

Ngày nay chuyện trinh tiết không khắt khe như ngày trước, nhưng cha mẹ bên nhà trai luôn xem chừng, quan sát thông qua dư luận trong, ngoài làng, nhất là trước lễ nghinh hôn để còn có thời gian hồi đáp. Chuyện đánh tráo nhau trong hôn nhân như thế đã xảy ra tại làng Đông và làng Thanh mà tác giả được biết. Chuyện rằng:

Chàng trai làng Đông đã đến tuổi trưởng thành, cha mẹ chàng được mai mối dẫn dắt, đi nói vợ cho con tại làng Thanh (hai làng cách nhau chừng năm cây số). Hai bên nhận lời sui gia nhau, tình cảm phía nhà trai và nhà gái diễn

tiến bình thường. Một năm sau họ thống nhất chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cưới cho đôi trẻ.

Sau ba ngày cưới, đôi vợ chồng trẻ đưa nhau về lại nhà gái thăm thú, nhưng thời nay lệ *lại mặt* không còn thực hiện nên việc lại mặt không đặt ra. Lại nữa, làng Đông và làng Thanh nay đã chỉnh trang thành khu đô thị, lối sống ngày càng thay đổi có yếu tố thị dân nên tục lệ xưa xét thấy không phù hợp, không nhứt thiết phải lại mặt như thời trước.

Non một năm sau cô vợ trẻ sinh được đứa con kháu khỉnh. Vợ chồng thương yêu nhau trong hạnh phúc tuyệt vời. Đứa con gái ngày càng lớn, biết đi chập chững. Cô vợ có biểu hiện lạ, thường xuyên gửi con cho bà nội trông nom, cô vợ về lại làng cũ với lý do rằng về nhà thăm cha mẹ. Nhiều lần như thế, mẹ chàng trai sinh nghi, dò la theo dõi. Một lần người chồng bắt gặp cô vợ đi chơi với một thanh niên lạ tại một thành phố lớn. Gia đình chàng trai đoán già đoán non và nghi vấn về đứa cháu nội có phải đích thị là cháu nội của mình không? Họ bèn nhờ đến thành tựu của khoa học, xét nghiệm AND của người cha và đứa trẻ. Ngạc nhiên thay, em bé không phải là con của chàng trai!

Sau đó, họ đưa nhau ra tòa lập tờ li dị.

Người dân hai làng biết được cười vui rằng *cà cưỡng nuôi con.* Thế nên ngày xưa, cha mẹ chàng trai nghiêm khăc vấn đề trinh tiết không phải không có cơ sở.

Ngày nay tình hình có khác.

8. Rước dâu vào cửa sau

Lệ xưa trong dân gian truyền nhau rằng rước cô dâu về nhà không hợp nhau về tuổi tác, cung mạng thì không thể "xẻ cửa bước vào" đường đường chính chính như cô dâu hợp cung mạng người chồng.

Trong dân gian có trường hợp cô dâu nhà giàu có, cha mẹ lắm điền nhiều thổ, bèn đánh tiếng:

Ai về nhắn với bà gia,
Dọn đàng quét ngõ tháng ba dâu về!

Trường hợp cô dâu được cho do cung mạng khó hòa hợp với chồng nên vào ngày/giờ rước dâu về nhà chồng, có đám phải rước cô dâu vào cửa sau ? Điều này ngày nay đã bỏ.

Xưa, người Quảng quan niệm rằng do đôi trẻ không hợp nhau về tuổi, cung mạng nên không rước vào cửa chính mà phải vào cửa sau để hóa giải cung mạng xung khắc. Bởi vào cửa trước mà đôi trẻ không hợp nhau về đường tuổi tác xem như rất xấu về đường tương lai của cặp vợ chồng trẻ. Do vậy, mỗi

cách vào nhà bằng cửa sau mới yên ổn được. Vào cửa trước, e rằng tổ tiên quở trách do không hợp. Xưa là vậy, cô dâu nào lâm vào trường hợp này phần lớn đều chấp nhận để phía nhà trai rước về nhà chồng bằng cửa sau. Bằng không, hai bên cha mẹ đã ngăn cản từ trước khi hôn nhân được hình thành. Theo đó, để cưới vợ cho con trai và gả chồng cho con gái, cả hai bên gia đình đều xem tuổi tác thế nào, hợp nhau họ tiến hành và đồng thuận theo lời chỉ dẫn của ông mai bà mối, bằng không họ chấm dứt. Thế nên, rước dâu vào cửa sau ít gặp trường hợp thế.

Hoặc "*chưa chồng mà chửa mới ngoan*", buộc gia đình nhà gái và cô dâu phải chấp nhận cho nhà trai rước dâu vào cửa sau. Đấy là trường hợp đặc biệt. Trường hợp này đôi khi nhà trai chỉ có *cheo* mà không ra lễ!

Anh cho em quan mốt tiền cheo
Quan hai tiền cưới, mà đeo em về.

Tuy nhiên, vào giai đoạn lễ giáo Khổng thuyết phai nhạt dần trong cuộc sống, người phụ nữ được giải thoát phần nào những ràng buộc hôn nhân gia đình. Họ yêu nhau và đôi khi cô gái rất mạnh dạn:

Ai kia mười lăm năm lỡ biết bao lần,
Chứ em đây mười lăm năm mới lỡ chỉ một lần.
Như rứa mà không lỡ,
Để làm gương cho khách hồng trần thử xem!

Người ta nghĩ rằng "*cưới con dâu sâu con mắt*" do phải qua ông mai bà mối, do phải qua của cải sính lễ, do phải tình hình kinh tế gia đình nên để cưới được cô vợ cho con trai phải cắt bớt một khoảng gia tài làm sính lễ. Những gia đình không điền thổ, không vàng bạc, việc cưới vợ thật khó khăn. Dân gian bảo "*cao lễ dễ thưa*", nhưng gặp phải cô gái được cho là không hợp tuổi, nhà gái phải đồng thuận theo ý nhà trai thông qua ông mai, bà mối. Trước đây, những gia đình "*môn đăng hộ đối*", họ xem việc tuổi tác cho con cái họ rất kỹ lưỡng. Thời nay còn không?

Thời những năm 1945 về trước, việc chữ nghĩa không đặt ra, biết chữ càng hay, còn không chữ cũng không sao. Người vùng biển bảo rằng *biết chữ cũng đi biển, không biết cũng đi biển*. *Hề chi!* Còn người miền ruộng đồng lại bảo *học giả hảo bất học giả hảo, cũng bán mặt cho đất khất lưng cho trời. Hề chi!* Việc ký khế tờ bán ruộng đất, bán nhà chỉ cần lăn tay là được, thế nên sính lễ cho con bằng một lượng tài sản mức độ nào đó cần phải xem xét cung mạng của nam và nữ cho thật an toàn. Dân gian nói:

Đàn ông tuổi tý thì tài,
Đàn bà tuổi tý thì hai đời chồng.

Ngày xưa, cô gái nào sinh phải năm Dần, thật khó khăn về đường chồng con. Con gái chửa hoang, cha mẹ vạ lây:

Con gái phú ông, không chồng mà chửa,
Cả làng ăn vạ, hết bảy trăm quan.[8]

Quan niệm về tuổi tác thời nay có phần nhẹ nhàng hơn, nhưng không phải đã chấm dứt việc coi tuổi nam nữ xem có hợp nhau không vẫn còn đây đó trong một số gia đình người Quảng.

Gần đây - năm 2005 – một gia đình tại làng Đông Phước cưới vợ cho con trai, do xem xét đường tuổi tác cho rằng hai trẻ không hợp nhau (có thể *chế* được) nên vẫn tiến tới hôn nhân. Nhưng phía nhà trai cho rằng vào giờ rước dâu về nhà mình phải rước vào cửa sau. Và họ không thông báo gì cho nhà gái hay việc này, khi cô dâu được rước về đến nhà, họ cử đặt người đưa cô dâu vào cửa sau! Việc vỡ lỡ, cô dâu khóc nức nở ngay trong giờ làm lễ gia tiên. Sau đó các cụ hai bên gia đình tìm nhiều phương thức hóa giải hiện tượng này để không phải phật lòng nhau.

Người ta tin thế, ngày nay người Quảng bỏ tục rước dâu vào cửa sau. Rất ít tìm gặp trường hợp cô dâu phải về nhà chồng bằng cửa mạch. Điều mà không một cô gái nào gật đầu muốn vậy.

9. Lễ nghinh hôn thiếu trầu cau, hoặc trầu cau úa

Có phải trong lễ nghinh hôn không có buồng cau liễn trầu là điều mà nhà trai thiếu sót hay vướng phải một điều gì đó chăng? Hoặc giã, có trầu cau nhưng lại là trầu úa cau vàng ?

Những nghi vấn như thế ngày xưa thảng, có xảy ra. Cha mẹ cưới vợ cho con là điều quan trọng, xem như con đã lớn nên gia nên thất, do vậy việc chọn vợ cho con là rất cẩn thận. Ngày xưa các cụ thường bảo nhau: *lấy vợ chọn tông, lấy chồng chọn giống*, lại còn chú ý đến việc ngày sau sinh đẻ nên cần chú ý *lưng chữ vụ, vú chữ tâm.* Xem thế, việc lớn một đời người không quan tâm sao được. Thế nhưng gặp phải trường hợp đôi trẻ yêu nhau không thể rời xa nhau được, buộc cha mẹ phải làm lễ cưới, người cha bấy giờ lo lắng tìm cách hóa giải xung khắc cho đôi trẻ. Họ đã dựa vào tục lệ xưa, vào ngày cưới chọn những

[8] Theo tục lệ xưa của các làng quê, con gái trong nhà có chửa hoang cha mẹ phải thú tội, tạ làng, bởi cho rằng làm xấu làng xóm.

lá trầu đã ngã sang màu vàng chút ít – chưa trở thành thứ phẩm – nhưng tươi tốt thì không còn. Điều này hàm ý rằng tổ tiên chứng giám cho việc hóa giải phần xung khắc.

Hoặc có thể trong giờ rước dâu, nhà trai không đặt liễn trầu buồng cau vào khay lễ mang sang nhà gái rước dâu. Giờ hành lễ, mang khay, quả mở ra, bấy giờ phía nhà trai lấy làm lo lắng cho việc thiếu sót của mình rồi đổ tội cho người chuẩn bị phần lễ. Phía nhà gái giật mình vì cớ sự. Nhưng giữa hai họ và bà con gần xa dự lễ, cả hai bên nhà trai và nhà gái xem như đây là việc thiếu sót. Lễ vẫn tiến hành. Sau đó, có thể sang buổi chiều cùng ngày, nhà trai mang khay, quả trầu cau sang nhà gái trình bày thiệt hơn để bên nhà gái cảm thông, niệm tình tha thứ sự bất cẩn của mình.

Thời nay việc thiếu trầu cau hay trầu cau không còn tươi tốt trong một lễ cưới để hóa giải điều xung khắc do tuổi tác của đôi nam nữ không còn thực hiện.

10. Vợ lớn cưới vợ nhỏ cho chồng

Vợ lớn cưới vợ hai cho chồng, chuyện nói như đùa, vậy mà có thật! Cũng bởi:

Ớt nào mà ớt không cay
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

Thế mà vẫn có nhiều bà vợ cả *tự nguyện* cưới vợ lẽ cho chồng.

Ngày xưa, đàn ông có quyền chọn đa thê là chuyện bình thường. Có người đến ba vợ vẫn không sao, còn hai vợ dường như chuyện không phải khó tìm.

Hôn nhân trong xã hội cũ cho phép và đôi khi khuyến khích người đàn ông được lấy nhiều vợ. Theo xưa, gia đình có nhiều vợ, nhiều con là gia đình may mắn, hạnh phúc. Để giữ khuôn phép ăn ở trong nhà, quy định xưa buộc công nhận thứ bậc của các bà vợ, thế nên trong văn bản, giấy tờ thời phong kiến còn lưu lại cho biết có chánh/ chính thất (vợ chính), vợ lẽ (vợ hai, vợ ba,…). Nhiều gia đình còn có cả nàng hầu. Cho nên trong dân gian xuất hiện thuật ngữ *kẻ hầu người hạ.*

Vào thời phong kiến cũ, tại Đông Phước xã, một gia đình nọ có hai người con gái. Cô nào cũng xinh đẹp, đảm đang, có đủ công dung ngôn hạnh. Lớn lên cô Bốn là chị đủ mười tám tuổi, lấy chồng. Quê quán nhà chồng tại Tân An xã, không xa làng là mấy. Ruộng đất gia nương nhà chồng không nhiều nhưng cũng đủ cấy cày quanh năm hai vụ lúa. Ba năm sau, đôi vợ chồng trẻ vẫn không có mụn con để làm vui lòng phía nhà chồng. Bởi nhà chồng, họ trông mong có

đứa con nối dõi tông đường. (Xưa, người ta cứ khăng khăng đổ tội không có con do người con gái). Nhưng cô Bốn không sinh đẻ được! Chờ lâu, sốt ruột! Phía nhà chồng muốn cưới cho con trai mình một cô vợ lẽ (ngày xưa như thế là được phép). Cô Bốn được tin buồn lắm, vào ra, làm lụng, đứng ngồi không yên! Một hôm, thư thả công việc ruộng vườn, cô về làng thăm cha mẹ đẻ. Cô Bốn đem chuyện riêng của mình trao đổi cùng cha mẹ. Cha mẹ cô được tin, nhưng biết phải làm thế nào, vì không sinh được con trai cho họ thì họ cưới vợ khác để sinh cho gia đình họ đứa con nối dõi. Chuyện đó không cấm được. Trong dân gian thì nói *Ba năm không con đánh đòn rồi bỏ!* Thật khó!

Nhà chồng tính chuyện cưới vợ hai cho chồng cô Bốn được công khai thực hiện.

Buồn tình, cô Bốn có khả năng trở thành người "chầu rìa" ngay trong ngôi nhà mình đang sống với chồng. Điều này làm cô lo lắng sẽ trở thành người phục vụ, không chừng thành người hầu kẻ ở. Cô nghĩ thậm gay! Cô Bốn tự hỏi có hơn "kẻ hầu người hạ" khi chồng cưới vợ lẽ ?

... Phải chi thiếp có gái trai đầy đủ
Chàng không thương cũng mong có chút con
Bởi như thiếp chừ thân phận con von
Chàng lại phụ biết lấy ai mà gởi xác
Bởi vậy mới xác ve mình hạc…[9]

Một hôm cô về nhà cha mẹ đẻ, đem chuyện cưới vợ hai cho chồng than thở với cha mẹ. Mẹ cô Bốn biết tình huống này đành chấp nhận, biết phải sao hơn. Cô Bốn phải đi cưới cho chồng cô vợ hai để làm an lòng gia nương bên chồng, bằng không, họ tự cưới vợ lẽ cho con trai họ. Cô Bốn bèn tính chuyện xin cha mẹ cho mang người em gái thứ Sáu của mình làm vợ lẽ. Ban đầu gia đình cô không đồng thuận, nhưng sau rồi họ cũng xiêu lòng, bởi nếu không, phía nhà trai cưới một cô gái xa lạ về thay con mình sinh đẻ quả là con gái mình sẽ khó ứng xử với cô gái kia, rồi nhiều chuyện khác nữa ngoài ý muốn xảy ra trong cuộc sống. Cha chả là buồn! Cha mẹ cô đồng thuận và phía bên chồng cô Bốn cũng không ngăn cản. Như thế, một bữa tiệc trình hai họ được sắp đặt. Vậy là vào một ngày đẹp trời, cô Sáu theo chị về làm vợ lẽ của chồng chị. Sau đấy, cô sinh được ba người con trai.

Và cũng tại vùng Hòa Vang, Đà Nẵng, vào những năm sau 1945, tại làng Cẩm Lệ, chuyện cưới vợ lẽ cho chồng được xem là việc bình thường và được

[9] Xem: Võ Văn Hòe (2017), *Vè xứ Quảng và chú giải*, NXB Đà Nẵng.

phép. Một gia đình nọ cưới nhau đã ba năm mà người vợ không sinh được con. Nhà chồng tỏ ra hất hủi, khinh miệt, cô thở than:

-Chàng ôi, phụ thiếp làm chi
Thiếp là cơm nguội chờ khi đói lòng.

Người vợ cả đành nuốt lệ vào lòng phải cưới cho chồng cô vợ hai để phía nhà chồng an lòng có con nối dõi. Cô không biết phải chọn ai cho vừa ý, chỉ oán trách sự ràng buộc:

...Giận cho các thầy Khổng, Mạnh nỡ đặt ra câu chữ
Rằng: "nhứt nam viết hữu" còn "thập nữ viết vô"
Phải chăng chỉ có con trai mới biết xây dựng cơ đồ
Còn chị em bạn gái chẳng biết hữu vô việc gì
Nếu các thầy Không Mạnh cũng là phận nữ nhi
Chắc các thầy lại sửa sách "thập nam nhi thì viết vô".[10]

Áp lực cưới vợ hai cho chồng đè nặng, cô bèn về thưa với mẹ cha chọn cô em gái mình về thay mình sinh con cho phía nhà chồng. Cha mẹ cô không ngăn cản. Thế là cô em gái là vợ lẽ của chồng. Sau đấy, cô em gái sinh được một đứa con trai.

Ở Việt Nam, chế độ đa thê đã được hủy bỏ từ sau Cách mạng tháng Tám (8/1945). Luật *Hôn nhân và gia đình* của Việt Nam chỉ công nhận chế độ một vợ một chồng.

11. Lạy cha lạy mẹ con đi lấy chồng

Người phụ nữ xứ Quảng đến tuổi trưởng thành, cập kê thì phải lấy chồng. Đây là việc quan trọng một đời người con gái và cả cho bậc cha mẹ. Con gái đến tuổi cập kê mà không ai hỏi han gì đến chuyện chồng con, cha mẹ lo lắng lắm. Họ sợ con họ ế chồng! Con gái lớn tuổi trong nhà cha mẹ trông mong có người mai mối. Bởi ngày trước cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy mới là con hiếu thảo, chứ người con gái tự tìm ý trung nhân cho mình mà cha mẹ không đồng ý xem như không được gì cả, là con bất hiếu. Cái khổ của người con gái trong hôn nhân gia đình thời xưa là vậy!

Lạy cha hai lạy một quỳ
Lạy mẹ bốn lạy con đi lấy chồng
Mẹ sắm cho con yếm nhượm nhất phẩm màu hồng
Cái thắt lưng đũi tím, bộ nhẫn đồng con đeo tay.

[10] Võ Văn Hòe (2017), *Vè xứ Quảng và chú giải,* sđd.

Toàn những vật phẩm có giá trị thấp, yếm nhất phẩm (mực), vải đũi là loại sản phẩm cuối cùng sau khi dệt các loại vải tốt: lụa, là, lãnh, vóc, đoạn,… đũi dùng dệt tấm đắp, tấm trải bàn; nhẫn bằng đồng là loại hạng ba trong hạng vàng – bạc – đồng…Nghe mà xót !

Thời nay người con gái đi lấy chồng có còn thế nữa chăng ?

Sao lại lạy hai lạy, bốn lạy mà không là một lạy, ba lạy? Cũng bởi tục xưa người con gái sinh ra cùng một cha mẹ nhưng lại xem là *nữ nhi ngoại tộc*. Khổng thuyết bảo *phụ nữ bất khả giáo*. Thế nên họ chịu thiệt. Quan niệm thời xưa cho rằng con gái lớn lên đi lấy chồng, phụng sự gia nương bên chồng thì cũng xem không rõ có còn dịp nào trả nghĩa sinh thành không?. Ở một góc nhìn nào đó người con gái đi lấy chồng xem cha mẹ mình như đã "chết" nên báo hiếu cha hai lạy, báo hiếu công ơn cù lao cúc dục của mẹ bốn lạy là báo hiếu chín tháng cưu mang trong nỗi buồn bịn rịn nhớ thương,[11] giã biệt cha mẹ con đi lấy chồng.

Ơn cha nặng lắm anh ơi
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.
Cha sinh mấy thuở cha bồng,
Mưa sa mẹ đậy, gió lồng mẹ che.

Thế nên ngày xưa cô dâu thường khóc bịn rịn trong lễ vu quy. Bởi từ đây về sau tình nghĩa bên nào cũng trọng nhưng nghĩa bên chồng nặng hơn. Câu ca Quảng:

…Rượu không men biết mấy thuở rượu nồng
Bề mô ta cũng trọng, nghĩa bên chồng ta hơn…

Ai kêu, ai hú bên sông,
Mẹ kêu mặc mẹ, có chồng phải theo.

Trong ngày *nhóm họ*, phía nhà trai hoặc nhà gái cũng tổ chức lễ cáo tổ tiên ông bà và gởi thiếp báo hỉ đến thân tộc, cho hay con gái lớn đi lấy chồng thành thất thành gia. Tại buổi lễ này, cha mẹ ngồi trên ghế, người con gái quỳ trên chiếu, nghe cha mẹ có lời răn dạy sau cùng trước lúc vu quy.

---

[11] Có thể nghĩ đến quan hệ tương liên trong việc tang ma, về màu sắc thì đen – trắng; về số lạy người chết chưa chôn hai lạy, hương thắp hai cây, hoa cắm chưng trong bình phải là số chẵn. Con đi lấy chồng, cha mẹ chưa chết nhưng xem như "đã chết" nên lạy hai lạy. Lạy thần ma: *miện hương* lạy *bốn lạy*; *sơ hiến lễ* đọc bài văn tế lạy *hai lạy*; *á hiến lễ* sau đọc chúc văn lạy *hai lạy*; chung hiến lễ lạy *bốn lạy*. Cộng là mười hai lạy. Như thế lạy thần thánh tại đình miễu là số chẵn. Tuy nhiên *viên tịch* mà xem *như còn sống* lạy Phật ba lạy. Lạy tổ tiên ông bà mười hai lạy chia thành ba đợt, mỗi đợt ba lạy ứng với ba tuần lễ tế.

Người cha dạy con gái giữ đúng giềng mối *tam tòng*, không được trái đạo làm dâu kẻo nhà chồng trách móc con nhà ai thiếu gia giáo, làm hệ lụy đến gia phong gia thế nhà gái.

Người mẹ khuyên dạy con hãy thực hiện *tứ đức*, ăn, nói nhẹ nhàng, khi đi khi đứng dịu dàng dung nghi, phải tuân theo nền nếp bên chồng, kẻo mang tiếng là con nhà không được cha mẹ vẻ bày, giáo huấn:

... Trong nhà đừng có bông đùa
Chén bát úp có chỗ,
gạo với khoai nấu có chừng
Có chỗ để áo, chỗ để quần
Cuốc với cày dọn dẹp chớ đừng xả lang
Vật gì nấu chín thì ăn
Khoai với rau sạch sẽ cũng bằng chả nem…

Người con gái nhận lời, rươm rướm khóc, *lạy cha lạy mẹ con đi lấy chồng!*

Ngày cưới, chú rể cùng đoàn gia tộc đến nhà họ gái để rước dâu về. Bấy giờ chú rể làm lễ gia tiên trước bàn thờ họ nhà gái và cúi lạy cha mẹ vợ:

…Tui tới đây làm rể ông tơ
Tay bưng bát nước, tay đưa hộp trầu
Lạy cha xin ruộng, xin trâu
Lạy mẹ cho chiếc ghe bầu ba trăm…

Tập tục này hiện không còn thực hiện trong hôn nhân.

12. Đối đáp nhau trong hôn nhân

Trong việc hôn nhân, tục này không thành lệ trong việc ứng xử hai bên họ nhà trai và nhà gái. Có đối đáp nhau trao đổi chuyện trò qua lại vui vẻ càng hay, bằng không cũng không sao.

Không cứ gì trong ngày cưới, bên trai bên gái mới chuẩn bị lực lượng này để trao đổi, luận bàn về việc hôn nhân hay nhiều việc khác liên quan đến văn hóa cưới (đôi khi họ mở rộng đề tài sang lĩnh vực khác).

Ngay khi nhà gái đồng thuận cho nhà trai đến thăm nhà "coi mắt" con gái mình để đưa ra quyết định chọn hay không chọn. Ông mai bà mối đã dùng nhiều lời lẽ thiệt hơn giới thiệu về cô gái với nhà trai và ngược lại bên nhà gái cũng vậy. Trong ứng xử này phần nhiều ông mai bà mối thuyết phục sự đồng thuận của nhà trai và nhà gái nên gật đầu. Nhà trai xiêu lòng, nhưng chưa biết phía bên nhà gái thế nào nên cần có một bữa thăm nhà gái.

Bữa mô rành rảnh đến thăm chơi cho biết nhà. Nói bữa mô rành rảnh chứ thật cũng phải công phu, phải nhờ người am hiểu ngày kiết hung, coi ngó ngày giờ đến nhà gái thăm chơi để đạt được công việc hệ trọng.

Để đón tiếp các vị khách đến thăm nhà, trao đổi việc lớn liên quan đến con gái mình nên nhà gái (và ngược lại nhà trai cũng thế) dọn dẹp từ cổng ngõ vào đến nhà sạch sẽ. Bàn ghế trong nhà lau chùi bụi bặm, trải tấm khăn bàn lên cho đẹp. Trên bàn đặt bình tích nước chè, bốn đến sáu cái ly (đủ cặp), dĩa trầu cau, một tệp (chừng nửa ghim) thuốc lá Cẩm Lệ (hoặc các loại thuốc khác tùy vùng) tiếp khách.

Quan hệ chủ khách hai bên gia đình nếu gia cảnh hai bên tương đối khá, có chữ nghĩa, họ có ý rào đón như việc *môn đăng hộ đối*, hai bên phải xứng tầm nhau. Trường hợp thế, hai bên phải chọn lựa một đến hai người có tài "ăn nói", có kiến thức, hiểu biết nhiều chuyện làm ăn sinh sinh sống đến chuyện xã hội, chuyện đời,… để ứng xử nhau cho được phù hợp. Xưa kia cũng có trường hợp phía nhà trai nghèo khó, cha mẹ mù chữ, cử đoàn đến thăm nhà gái, tiện thể coi mắt cô gái (dâu tương lai) thế nào, hình dung diện mạo ra sao,…có y như lời theo sự thuyết phục và dẫn dắt của ông mai bà mối. Do cha mẹ chàng trai chữ nghĩa không có, lại nghèo khó nên phải chuẩn bị người có kiến thức chút ít đến trao đổi chuyện trò để câu chuyện thêm phần rôm rã. Trường hợp thế, cha mẹ chàng trai chỉ ngồi nghe, rồi nhìn cô gái xem nước da, con mắt, tướng mạo thế nào, giọng nói có ấm tình không, hay nói giọng đồng,… Họ ngại tham gia trao đổi chuyện trò bởi không trải nghiệm việc xã hội, việc đời như người có chữ nghĩa! Đôi khi như thế là sự bất lợi cho đôi nam nữ:

-Đàn bà sang sảng tiếng đồng,
Chẳng vất vả đường chồng, cũng vất vả đường con.

Hay là:

-Cái dĩa vàng, con tôm càng nằm ôm cái trứng
Cha mẹ anh nghèo nên không xứng đôi ta
Cái bát ngọc, con cá tràu hoa
Cha mẹ em hám thực, nên đôi ta không thành.

Đấy mới chỉ là thăm nhà coi mắt cô gái. Diễn trình hôn nhân càng vào sâu đến lễ hỏi, tịnh giá thú trong lễ thỉnh kỳ và lễ nghinh hôn, cả hai bên trai và gái đều cử người có khiếu ăn nói hoặc nếu không phải mượm người ngoài dòng tộc đi cùng. Đôi khi người ta sang làng khác mượn người đối đáp trong các lễ tục hôn nhân, làm cho việc hôn nhân sinh động hơn, lời qua tiếng lại vui

vẻ hơn, tạo sự thông cảm nhau hơn. Đặc biệt trong ngày cưới lại càng lựa chọn kỹ hơn. Người *đi họ* phải khỏe mạnh, đủ cặp, không mắc phong long tử, ăn nói tỏ tường, nhà gái (và nhà trai) tin tưởng nhờ cậy.

Ăn-nói song hành nhau, không ai dự tiệc cưới mà chỉ có ăn, *đốn khẩu vô ngôn* liền bị người khác cười thầm. Xưa là vậy, nay thêm cái uống nữa. Ăn-nói hay ăn-uống cũng phải có chừng mức, mà việc khẩu biện làm cho bữa tiệc thêm vui mới là điều xem xét đến. Cho nên tiệc cưới ngồi mâm theo lớp lang, cao tuổi, trung niên và thanh niên nam nữ để tiện bề trò chuyện. Chuyện người lớn, chuyện đời, chuyện văn chương chữ nghĩa thánh hiền, chuyện luận bàn về gia đạo, luân lý,… giới thanh niên chưa tham gia kịp nên phải ngồi riêng là vì vậy. Xưa kia số người mù chữ có đến 80- 90% nên chuyện giữ bò, cắt cỏ, cuốc ruộng, cày đồng đa phần đám trai cày thợ cấy am hiểu hơn, nên ngồi và chuyện trò theo thế hệ tuổi tác và lớp lang thành phần là vậy. Anh nào có tên trong sổ dân đinh dân tráng lại được mời ngồi vào chỗ cao trọng, được mọi người kính nể. Tuy nhiên, người xưa cũng ý tứ *thực bất ngữ.*

Sau ngày thăm nhà coi mắt, duyên tình thuận lợi, hai bên cha mẹ tính chuyện trăm năm cho con cái, bởi *cưới vợ phải cưới liền tay, để lâu e ngại họ bứt dây họ rào* thì hỏng. Cứ lần lửa năm tận tháng cùng chậm cưới gặp phải trục trặc, trúc trắc chàng và nàng đành chịu. Ca dao than rằng:

-Anh toan thề thốt hàng hai
Chim đậu không bắt, lại bắt chim bay giữa trời
Giữa trời có đám mây xanh
Hai bên cha mẹ không đành thì thôi
Áo anh em bận lấy hơi
Nón anh, em đội che trời nắng mưa
Cải non ai khéo làm dưa
Chồng bậu để, hay bậu chưa có chồng
Xem lên hòn núi tang bồng[12]
Con gái chưa chồng, quan huyện đóng trăn[13]
Hỏi nàng có lấy tau chăng
Tau thưa quan huyện mở trăn cho nàng.

---

[12] *Núi tang bồng* = trong "*Tang bồng hồ thỉ*".Tang: cung gỗ dâu; bồng: cỏ bồng. Ý nói chí lớn của kẻ làm trai ở bốn phương trời. Theo Sử ký: Khi quốc quân thế tử sinh, kẻ xá nhân lấy cung gỗ dâu và cỏ bồng làm tên 6 cái bắn trời, đất bốn phương. Lời chú nói: việc dùng cung gỗ dâu, tên cỏ bồng có từ thời thái cổ. Bắn trời, đất bốn phương là ý chí làm trai phải có nghĩa vụ ở khắp nơi. *Lời sớ* chép: dâu và cỏ bồng là những vật tinh khiết vốn có từ thời xa xưa. Bồng là thứ cỏ ngăn ngừa sự loạn; dâu là gốc các loài cây.

[13] *Đóng trăn:* chưa rõ trăn là gì.

- Bạn ở đây chớ bạn ở đâu mà không biết ta nghèo
Có thương thì khỏa bọt khỏa bèo mà thương.

Còn hợp nhau thì ca dao mừng rằng:

- Đầu năm mới biết mặt anh
Cuối năm đôi lứa đã thành lứa đôi
Đầu năm mới biết nhau thôi
Cuối năm thì đã thành đôi can thường.[14]

- Bông xứng bông, bình lại xứng bình
Mực Tàu xứng viết, hai đứa mình xứng đôi.
- Bông thơm, rớt xuống đất cũng thơm
Em giòn, áo rách đói cơm, cũng giòn.

13. Thủ tiết thờ chồng

Thủ tiết thờ chồng với người phụ nữ người Quảng xưa kia là một trong tam tùng [15] theo Khổng thuyết, đó là "*tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử 死 tùng tử 子*". Có thể có người phụ nữ chồng chết lúc tuổi cô vợ còn trẻ, nhưng cô vẫn ở vậy nuôi con. Trường hợp chồng chết khi cô vợ chưa có con, thì tùy vào hoàn cảnh mà cô chọn lựa. Phần nhiều các cô vợ góa này sau thọ tang chồng đủ ba năm, cô xin phép gia nương bên chồng cho cô đi bước nữa. Nhà chồng không can ngăn. Đủ ba năm cư tang thọ chế cho chồng xong, sau ngày mãn khó ít lâu, vào một ngày có cơ hội, cô dùng *hộp trầu chén rượu* thưa với cha mẹ chồng cho cô được tái giá.[16]

---

[14] *Cang thường* = tam cang, ngũ thường.Tam cang gồm: *quân chi thần cang, phụ chi tử cang, phu chi thê cang*. Ngũ thường gồm*: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.*

[15] Tạ Thanh Bạch - dịch chú (1959), *Minh tâm Bảo giám*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn. *Tam tòng*: Xem Thiên thứ hai mươi, chương Phụ Hạnh sách *Minh tâm bảo giám* viết*: "Phụ nhân trượng ư nhân giã thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tòng chi đạo: tại gia tòng phụ; thích nhân tòng phu; phu tử tòng tử, vô cảm tự đoại giã".*= Đàn bà là người nương dựa ở người, cho nên không có nghĩa chuyên chế mà có đạo tam tòng là: *ở nhà thì theo cha, gả rồi thì theo chồng, chồng chết thì theo con, không dám làm theo ý muốn*.

[16] *Tái giá*: người phụ nữ có chồng chết, bước thêm bước nữa. *Tục huyền (huyền là dây đàn)*: người đàn ông có vợ chết, cưới vợ khác (nối lại dây đàn).

Ngày xưa việc phụ nữ thủ tiết thờ chồng, ở vậy nuôi con, phụng dưỡng cha mẹ chồng được người dân trong và ngoài làng tôn trọng, ngợi ca và ngưỡng mộ.

Trong cuộc sống vẫn có phụ nữ sau khi chồng chết, xin tái giá mang con theo, rồi chồng mới lại chết, bấy giờ người phụ nữ này tuổi càng cao, đơn chiếc quanh năm đến lúc mệnh chung, người làng an táng với thái độ âm thầm, ít người đưa tiễn.

Ngày nay, việc tái giá đối với người phụ nữ chồng mất sớm; tục huyền đối với người đàn ông vợ mất sớm được cho là chuyện bình thường trong cuộc sống và được luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh phù hợp.

14. Cúng ông Chuồng bà Chuồng

Do tín ngưỡng đa thần, theo đó người Quảng ngoài việc thờ cúng tổ tiên còn thờ cây cối, thờ đá, thờ nước, thờ lửa,… đến thờ các vị nhiên thần, nhân thần tại các cơ sở thờ tự. Hằng năm vào một ngày nhất định nào đó được dân làng chọn trước, họ làm lễ cúng cây, cúng đá,… và cúng các vị thần được cho là trong năm giúp họ phát triển kinh tế đủ ngày giáp hạt. Cúng chuồng nhằm cầu mong vật nuôi tăng trưởng tốt. Ta gặp trong các bài văn cúng tư thổ, cúng tất niên có cầu xin các lực lượng thần thánh, âm linh "*giúp cho công, nông nghiệp được khuếch trương/ Phu ấm, thê vinh, tài tăng, lộc tấn, đắc khương, đắc thọ, đắc võ, đắc văn"* [17] gia sức gia cầm ăn no chóng lớn. Vì đây là nguồn kinh tế quan trọng sau cây lúa nước.

Cúng chuồng heo, chuồng bò, chuồng trâu, người Quảng thường tiến hành vào dịp chung niên hoặc năm mới vào tiết Giêng, Hai. Đây là tục xưa còn sót lại trong tín ngưỡng dân gian người Quảng. Gia đình nào có nuôi heo, trâu bò đều phải cúng. Họ dựa vào chuyện kể mang yếu tố ma thuật tồn tại trong dân gian, xem đấy là cơ sở để đặt ra lệ cúng chuồng.

Chuyện rằng: "Xưa, ở một làng quê nọ có hai vợ chồng già rất nghèo, không nơi nương tựa. Gặp năm hạn hán, mất mùa, ai cũng lâm vào khó khổ, hai vợ chồng đành chịu cảnh đói lả, uống nước cầm hơi. Họ bèn tìm đến chỗ các nhà giàu để kiếm miếng ăn thừa. Nhưng, trong lúc đói kém, ai cũng dè xẻn; còn chút đồ ăn thừa thải nào họ cũng vét để dành cho bữa hôm sau. Bí quá, hai vợ chồng đành đi trộm bã cám heo để cầm hơi. Đêm đêm, họ lẻn đến các chuồng heo nhà giàu, nhổ nọc chui vào, bòn nhặt mớ cháo cám mà bọn heo

[17] Xem: Võ Văn Hòe (2020), *Đông Phước văn lễ,* bài *Văn cúng tảo mộ,* tr. 329.

giành ăn làm vương vãi trên nền phân mang về nấu lại cho sạch mùi hôi, quyết cầm cự cho qua lúc đói. Vì cớ đó, các chuồng heo mà họ bước qua trở nên sạch hơn vì nền phân bị chân người lèn xuống; mùi hôi trong chuồng cũng vì thế mà bớt phần khó chịu.

Có một chủ nhà, lâu ngày cũng nhận ra chuyện thay đổi đó nhưng không để ý. Một hôm, người chủ nhà này khó ngủ, tình cờ phát hiện có hai bóng đen lẻn vào rút cây nọc chuồng heo bỏ qua một bên rồi bò vào bên trong. Cho rằng có kẻ lẻn vào trộm heo, sẵn cây nọc chuồng nằm sẵn, chủ nhà bèn cầm lấy rồi giáng vào hai bóng đen kia những cú thật mạnh. Đòn nhằm chỗ nhược, hai vợ chồng gục xuống. Khi phát hiện mình vừa lỡ tay đánh chết hai mạng người; lại sợ tai vạ ập xuống khi việc đến tai quan, chủ nhà bèn cùng gia nhân tâm phúc đào huyệt cạnh chuồng heo, chôn hai kẻ bất hạnh ngay trong đêm.

Chuyện xảy ra chẳng ai biết ai hay! Cả làng đều đang chạy đôn chạy đáo kiếm miếng ăn, chẳng ai quan tâm đến sự mất tích của hai vợ chồng kia, đều cho là vợ chồng họ đã bỏ xứ đi ăn mày; lâu ngày, thấy họ không về, ai cũng nghĩ có thể họ đã chết đường chết sá!

Một thời gian sau, người chủ chuồng heo lỡ tay ngộ sát kia đêm nào cũng chiêm bao thấy nạn nhân hiện về đòi mạng. Cầu cúng mãi không hết, sợ quá, bèn đem lễ vật lên khai báo mọi chuyện với quan. Sau khi tra xét đầy đủ, lại nhận thấy kẻ có tội thật sự ăn năn, quan bảo: "Lâu nay đói kém lan tràn, dân tình khó khổ, ta không có cách chi cứu tế kịp thời, trách nhiệm một phần cũng thuộc về ta. Nay ngươi, tuy không cố ý, nhưng cũng đã gây ra án mạng. Xét ngươi thành tâm muốn chuộc tội, chuyện lại xảy ra trong cơn đói chết người, nay ta không truy cứu nữa! Nhưng ngươi phải sửa sang mồ mả nạn nhân cho chu đáo, hằng năm kỵ giỗ cúng tế thành tâm".

Vì không biết danh tính nạn nhân, quan đặt tên cho họ là "ông Chuồng bà Chuồng" để kẻ thờ tự tiện bề khấn khứa. Chủ nhà y lời. Từ đó, hồn nạn nhân không còn hiện về đòi mạng nữa; mà lạ thay, heo trong chuồng kẻ gây án ngày một béo tốt. Chuyện lạ lan ra khắp làng, ai nấy cũng bắt chước cúng "ông Chuồng bà Chuồng" để mong cho heo chóng lớn.

Câu chuyện trên còn được dân gian địa phương kể thêm một đoạn cuối như sau: Ít lâu sau khi trình quan và được chỉ dẫn thờ cúng nạn nhân, trong gia đình kẻ lỡ tay đánh chết người có cô con gái đến kỳ sinh nở. Theo tục xưa, suốt tháng đầu sau khi sinh, sản phụ không được tắm rửa, giặt giũ; phải xông hơ bằng cách "nằm lửa" thường xuyên và nơi nằm phải được che kín suốt thời gian ở cữ; vì thế buồng đẻ thường bốc mùi hôi hám nặng nề.

Một đêm trước ngày người con gái sinh, người chủ nhà thấy ông bà Chuồng hiện về, cho biết sẽ làm cho nơi nằm của sản phụ được sạch sẽ, thơm tho với điều kiện chủ nhà phải cúng tạ thêm một mâm cỗ vào ngày đầy tháng đứa cháu. Quả nhiên, suốt thời gian ấy, không khí trong căn buồng sinh của cô con gái vẫn cứ thông thoáng bình thường. Đến kỳ đầy tháng xin tên cho trẻ, gia chủ ra chuồng heo rút một cây nọc chuồng; rồi vào bày ở góc buồng của sản phụ đầy đủ hương đèn, trầu cau cùng một mâm với nhiều thức cúng. Sau khi vái tạ, chờ đến khi tàn nén hương, chủ nhà khấn thêm một câu: "Xin ông Chuồng, bà Chuồng trở về"; sau đem cây cọc chuồng heo cắm về chỗ cũ.

Chuyện cúng kiếng này từ đó được lan ra; rồi thành lệ trong dân làng và lan ra nhiều nơi khác: Sau lễ cúng đầy tháng cho đứa trẻ, sẽ tiến hành lễ cúng ông Chuồng bà Chuồng ở góc buồng - một cách cám ơn người khuất mặt giúp cho việc sinh nở được sạch sẽ, an lành.

Một dị bản của câu chuyện này kể thêm: Về sau, tục cúng "ông Chuồng bà Chuồng" cho heo vào ngày cuối năm còn kiêm luôn cả việc cầu cho các loại gia súc như trâu, bò, heo, dê,… gia cầm như gà, vịt, ngang, ngỗng,… không bị ốm đau, bệnh, dịch và sinh sôi, phát triển nhiều hơn trong năm mới.[18]

Cúng ông chuồng bà chuồng

[18] Phú Bình, *Đà Nẵng cuối tuần*, 19/3/2017.

Thời nay, việc cúng chuồng không tồn tại trong bản giá trị văn hóa tinh thần người Quảng, nhưng thảng ta vẫn gặp có gia đình bày biện mâm lễ cúng ông Chuồng bà Chuồng, nhất là với các hộ gia đình nghiêng về chăn nuôi gia súc gia cầm. Họ cúng nhằm cầu mong/ xin ông Chuồng bà Chuồng giúp cho lục súc [19] của họ ăn no mau lớn.

15. Cúng thuốc lá

Trồng cây thuốc lá là một nghề của nông nghiệp. Xưa kia, vùng Quảng Nam Đà Nẵng có các địa phương trồng thuốc lá nổi tiếng một thời, hình thành nên các làng nghề đặc trưng có mẫu mã trên thị trường trong nước. Những năm 1975 về trước, nổi tiếng là thuốc lá Cẩm Lệ, Bến Đền.

Ca dao: … *Nhớ Ải Vân, nhớ Bà Nà,*
Nhớ chùa Non Nước câu ca giọng hò
Thuốc lá Cẩm Lệ, mắm Nam Ô,
Nhớ sông Chợ Củi, nhớ đò Câu Lâu
Nhớ khi rộn rịp bến tàu,
Quán cơm Đà Nẵng, cao lầu Hội An…

Thuốc lá Cẩm Lệ được trồng trên loại đất cát pha thịt nên thuốc tốt và ngon. Hút điếu thuốc lá Cẩm Lệ mùi nồng nhưng thơm, thuốc cháy cho tàn màu trắng nên gọi tàn kim. Thời các vua Nguyễn ưa chuộng loại thuốc lá Cẩm Lệ. Hằng năm người làm thuốc phơi khô, đẩy chần, đóng thành liếp, bó lại thành cồi mang ra kinh đô Huế bán cho giới thượng lưu. Thuốc lá Cẩm Lệ được trồng nhiều tại làng Đông Phước, Nghi An và một ít tại xóm Đà Ly thuộc làng Phong Bắc. Dọc theo chân núi Phước Tường về phía Đông, đến mùa thuốc lá rộ lên màu xanh của thuốc từ chân núi giáp với xóm dân cư. Thuốc lá là thu nhập chính của người dân làng Đông Phước.

Vào tiết Xuân sang, ngay trong dịp tết nguyên đán, người trồng thuốc lá Cẩm Lệ có lệ cúng tổ sư nghề. Tại làng Đông Phước, thánh sư/tổ sư nghề thuốc lá là Bà. Bà, trong dân gian tại làng không rõ cụ thể mà chỉ là một mảnh tách ra từ huyền tích về nghề tằm tang, đậm đặc tính thiêng và phàm. Người dân làng Đông Phước cúng Bà tổ nghề thuốc lá trên cơ sở câu chuyện dân gian còn lưu truyền trong làng.

Họ quảy trên vai một đầu chiếc gióng với chiếc rổ phân gồm lễ phẩm cúng Bà: con gà cổ xôi, bánh tét, bánh in, bánh khô, hương đèn trầu rượu, thứ phẩm khác. Một đầu họ bó chiếc chiếu túm hai đầu lại, xỏ vào cán cuốc bàn.

[19] Trâu, chó, ngựa, dê, gà, heo.

Họ quảy đến nơi trồng thuốc cúng Bà. Thế là đủ cho một lần cúng tiên sư nghề thuốc lá.

Không một gia đình nào tại làng Đông Phước xưa kia trồng cây thuốc lá mà không biết chuyện về Bà hiển linh cho cây thuốc để người dân lấy đó làm nguồn sống của mình.

Chuyện rằng: "Ngày xửa, ngày xưa, tại vùng Cẩm Lệ có một gia đình rất nghèo, họ không có ruộng đất để canh tác, nên thường xuyên đói no thất thường qua bữa. Do thế cuộc sống chủ yếu của gia đình nọ là phải lên núi Cẩm Khê chặt củi:

Sớm mai lên núi củi than,
Chiều về xuống biển đào hang bắt còng.

đã làm cho gia đình nghèo ấy có một cậu con trai duy nhất trở thành nghề đốn củi kiếm miếng nuôi thân.

"Một hôm, như thường lệ, chàng trai lên bìa rừng Cẩm Khê [20]đốn củi, bỗng dựng lại gặp một cô gái trẻ đẹp, quyến rũ đang tha thẩn triền đồi. Hỏi ra được biết, cô gái làm nghề canh cửu, nhà ở cạnh bìa núi. Sau đấy, cô gái mời chàng trai về nhà thăm chơi cho biết chốn. Chàng trai ở mãi đã được mấy hôm mà không buồn nhớ nhà cha mẹ. Sau đấy họ yêu nhau, chàng trai thôi, không muốn trở về quê hương nghèo khó của mình nữa.

"Một năm sau, họ sinh được đứa con gái, cuộc sống của đôi vợi chồng trẻ bình thường yên ổn, họ sống hạnh phúc bên nhau. Đến một ngày kia đốn củi xong chàng trai gánh củi xuống chợ bán. Tại chợ, người ta đang kháo nhau rằng trên núi có một cô con gái rất đẹp là hiện thân của loài ma le hung dữ. Chàng trai nghe được tin, bán tín bán nghi, châu mày suy nghĩ, hết sức ngạc nhiên. Bán xong gánh củi, chàng xách liềm cùng đòn xóc lững thững về nhà. Từ bữa ấy, chàng trai khác hơn mọi ngày, mặc dầu không nói gì với vợ về câu chuyện ma le người ta kể ở chợ.

"Mấy ngày liền chàng thấy sợ, cử chỉ, nói năng không được bình thường. Vợ chàng bát đầu nghi kỵ nơi chàng.

"Rồi một ngày kia, chàng trai vẫn xách liềm rựa ra đi đốn củi đến những hai ngày mới về. Vợ chàng ở nhà lại càng nghi ngờ hơn nữa. Phải chăng, chồng mình phát hiện ra lại lịch của mình.

"Sau lần đốn củi hai ngày mới về nhà, chàng trai trông vợ có khác, chàng tỏ ra lo lắng, nghĩ ra một kế để tìm hư thực thế nào. Buổi ấy, như thường lệ, chàng ra đi đốn củi, nhưng đi được nửa đường, chàng quay về nhà chọn chỗ

---

20 *Cẩm Khê*: là một trong những ngọn thuộc dãy núi Phước Tường, xã Hoà Phát, huyện Hoà Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

đứng đã được chọn lựa trước, chàng quan sát vào nhà. Trong nhà, tiếng thoi dệt lụa của vợ vẫn lốc cốc đều đều, bỗng dưng ngưng bặt, chiếc thoi rời khỏi khung bay xuống đất. Đứng ngoài trông vào, chàng trai lạnh toát mồ hôi, không còn nghi ngờ gì nữa, vợ chàng không cúi người nhặt lấy con thoi mà chỉ le lưỡi dài ra chấm đất khoèo con thoi lên. Chàng trai choáng váng mặt mày, lặng lẽ xách rựa lầm lủi vào lại bìa núi.

"Cuối ngày chàng về, cố giữ nét mặt bình thường với vợ. Tối xuống, cơm nước xong, chàng bàn:

- Lâu quá rồi, đã hơn hai năm nay, anh chưa về lại dưới quê thăm làng xóm, cha mẹ, láng giềng, nay con đã khá, anh bồng về dưới thăm bà con bên nội và thân thích vài ngày lại trở lên.

"Vợ chàng trai nhìn nét mặt chồng đã hiểu ý, đồng thuận cho chàng đi một mình còn đứa con thì để ở lại với mình.

"Hôm sau, sương mù chưa tan trên vùng núi Cẩm Khê, gà rừng gáy vọng te te ra bìa núi, chàng trai chuẩn bị lên đường, định sẽ bế con theo, vợ chàng cản lại. Hai bên giành giật nhau, mỗi người nắm một chân đứa bé, trong lúc xô xát vì sơ ý làm xé đôi đứa con thành hai nửa. Chàng trai giận dữ ngước nhìn mặt vợ, bỗng chàng choáng váng khi khuôn mặt của vợ biến dạng như hôm nào chàng nhìn thấy. Thần sắc chàng biến mất, vội mang nửa thân con gái chạy thục mạng về quê chôn cất.

"Hai ngày sau chàng mới về đến quê nhà, chôn nửa đứa con yêu quý, đắp một ngôi mộ mới trên cồn. Dân làng được tin lấy làm thương tiếc cho chàng trai nghèo khổ.

"Về sau, không biết tự bao giờ tại ngôi mộ mọc lên một cây xanh, lá to, bông như chiếc loa kèn màu phơn phớt tím. Ba tháng mười ngày sau cây già, lá rủ xuống có màu sậm như màu máu bầm. Dân làng đi làm nương rẫy, thường ngày qua lại, thấy cây lạ, bèn bứt lá vò ngửi có mùi khay khay, nếm thử có vị cay cay, đem đốt có mùi thơm hăng, bèm quấn lại mà hút có mùi thơm mặn mà dễ chịu. Càng hút càng thấy sảng khoái, ưa hút, muốn hút, hút lâu không bỏ được.

"Từ đó dân làng bỗng nhớ lại câu chuyện ngày trước, thì ra cây xanh lạ có dòng máu của ma le pha trộn với dòng máu của người. Dùng hút thấy say, càng say lại càng thấy đậm đà.

"Về sau không bỏ được mùi vị lạ lùng này, dân làng rủ nhau trồng cây xanh ấy để hút và gọi tên là "cây thuốc lá.

Từ sau năm 1975, nghề trồng cây thuốc lá tại làng Đông Phước không còn, người dân nơi đây tập trung vào nghề làm ruộng truyền thống. Cây thuốc lá từ đó vang bóng một thời, làng nghề thuốc lá cũng chìm vào quên lãng. Chuyện về cây thuốc lá thi thoảng năm ba cụ già trong làng gặp nhau tại đình làng, miễu xóm vào dịp hội hè, họ hàn huyên tâm sự nhớ về thời "nông vi bản" – một thời cây thuốc lá đã cho họ cửa nhà, cái ăn cái mặc.

Thuốc lá (Ảnh VVH)